

Số: /QĐ-UBND

Đức Phổ, ngày tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Quy trình vận hành**  
**Hồ chứa nước Ông Thơ, xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/7/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi;*

*Căn cứ Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 05/08/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kiểm tra an toàn đập Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (Giai đoạn 2) thuộc Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8);*

*Căn cứ Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 2), thuộc Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8);*

*Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi tại Tờ trình số 85/TTr-BQL ngày 15/6/2022 về việc thẩm định, phê duyệt Quy trình vận hành công trình: Sửa chữa và nâng cao an toàn Hồ chứa nước Ông Thơ, thị xã Đức Phổ và đề xuất của Phòng Kinh tế tại Báo cáo thẩm định số 04/BC-TĐ ngày 26 /7/2022.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình vận hành hồ chứa nước Ông Thơ, xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng thị xã, Trưởng các phòng: Kinh tế, Quản lý đô thị, Tài nguyên - Môi trường; Chủ tịch UBND xã Phổ Khánh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Ban Chỉ huy PCTT và TKCN thị xã;
- Văn phòng thị xã;
- Lưu: VT, KT.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Minh Vương**

**QUY TRÌNH VẬN HÀNH**

**HỒ CHỨA NƯỚC ÔNG THƠ, XÃ PHỔ KHÁNH, THỊ XÃ ĐỨC PHỔ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2022 của Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ)*

**CHƯƠNG I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Căn cứ pháp lý

Mọi hoạt động có liên quan đến quản lý khai thác và bảo vệ an toàn công trình hồ chứa nước Ông Thơ đều phải tuân thủ:

1. Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;
2. Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;
3. Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/7/2020;
4. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
5. Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
6. Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi;
7. Các Tiêu chuẩn, Quy phạm hiện hành:
  - Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8412:2010 - Công trình thủy lợi - Hướng dẫn lập Quy trình vận hành.
  - Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8414:2010 - Công trình thủy lợi - Quy trình quản lý vận hành, khai thác và kiểm tra hồ chứa nước.
  - Hồ chứa nước - Công trình thủy lợi - Quy định về lập và ban hành quy trình vận hành điều tiết (14TCN 121-2002).
  - Quy phạm công tác thủy văn trong hệ thống thủy nông (14TCN 49-86).
  - Các Tiêu chuẩn, Quy phạm khác có liên quan tới công trình thủy công của hồ chứa nước.

**Điều 2.** Thông số kỹ thuật công trình

1. Phân loại hồ chứa nước: Hồ chứa nước vừa.
2. Thông số kỹ thuật cơ bản
  - Cấp công trình: Cấp III
  - Tần suất lũ thiết kế:  $P=1,5\%$
  - Tần suất lũ kiểm tra:  $P=0,5\%$
  - Mức đảm bảo tưới:  $P=85\%$
3. Đặc trưng cơ bản của hồ chứa nước như Bảng 1

**Bảng 1. Đặc trưng cơ bản của hồ chứa nước**

TT	Đặc trưng	Đơn vị	Giá trị
1	Mực nước chết (MNC)	m	+12.20
2	Mực nước dâng bình thường (MNDBT)	m	+16.95
3	Mực nước lũ thiết kế	m	+18.55
4	Mực nước lũ kiểm tra	m	+18.67
5	Dung tích chết ( $V_c$ )	$10^3 m^3$	43,03
6	Dung tích hồ chứa ( $V_h$ )	$10^3 m^3$	308,74
7	Dung tích hữu ích ( $V_{hi}$ )	$10^3 m^3$	265,71

**Điều 3.** Nhiệm vụ công trình: Cấp nước cho 72,10 ha đất nông nghiệp.

**Điều 4.** Nguyên tắc vận hành

1. Quy trình vận hành hồ chứa nước Ông Thơ, xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ (sau đây gọi tắt là Quy trình) là cơ sở pháp lý để Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh (đơn vị khai thác công trình) tổ chức vận hành, điều tiết hồ chứa nước Ông Thơ theo nguyên tắc sau:

a) Đảm bảo an toàn công trình theo chỉ tiêu phòng chống lũ với tần suất lũ thiết kế  $P=1,5\%$ , tương ứng với mực nước cao nhất là +18.55m; tần suất lũ kiểm tra  $P = 0,5\%$  tương ứng mực nước cao nhất là +18.67m.

b) Đảm bảo an toàn cho vùng hạ du khi hồ chứa xả lũ.

c) Cấp nước phục vụ nông nghiệp và các nhu cầu dùng nước khác theo nhiệm vụ của công trình.

2. Trong mùa mưa lũ, khi xuất hiện các tình huống đặc biệt chưa được quy định trong Quy trình này, việc vận hành điều tiết và phòng chống thiên tai của hồ chứa phải theo sự chỉ đạo điều hành thống nhất của UBND thị xã Đức Phổ, trực tiếp là Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thị xã Đức Phổ (Ban Chỉ huy PCTT và TKCN thị xã).

## CHƯƠNG II

### VẬN HÀNH ĐIỀU TIẾT TRONG MÙA LŨ

**Điều 5.** Trước mùa mưa lũ hàng năm, Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh phải thực hiện

1. Tổ chức kiểm tra công trình trước lũ, kịp thời phát hiện, xử lý hoặc báo cáo cấp thẩm quyền khắc phục những hư hỏng để bảo đảm công trình vận hành an toàn trong mùa mưa lũ.

2. Căn cứ vào dự báo khí tượng thủy văn và Quy trình này để lập kế hoạch tích, xả nước cụ thể trong mùa lũ, làm cơ sở vận hành điều tiết hồ chứa, bảo đảm an toàn công trình và tích đủ nước phục vụ các nhu cầu dùng nước.

3. Lập và rà soát, điều chỉnh, bổ sung hàng năm phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp và trình thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính Phủ.

**Điều 6.** Điều tiết hồ trong mùa lũ

1. Công trình hồ chứa nước có tràn xả lũ là tràn tự do, không có cửa van, nên khi mực nước hồ đến cao trình ngưỡng tràn +16.95m thì nước lũ sẽ tự xả qua tràn.

2. Khi tràn bắt đầu xả lũ, Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh phải thường xuyên theo dõi, thông báo đến nhân dân vùng hạ du về việc xả lũ để bảo đảm an toàn cho người, tài sản vùng hạ du.

3. Mực nước hồ cao nhất ở cuối các tháng trong mùa lũ được quy định tại Bảng 2.

*Bảng 2. Mực nước cao nhất của hồ chứa nước Ông Thơ trong mùa lũ*

Thời gian (ngày/tháng)	30/IX	31/X	30/XI	31/XII
Mực nước cao nhất (m)	+16.95	+16.95	+16.95	+16.95

**Điều 7.** Vận hành xả lũ trong một số trường hợp đặc biệt

1. Mực nước hồ cao nhất trong mùa lũ không được vượt quá cao trình +18.55m (mực nước lũ thiết kế).

2. Khi mực nước hồ đạt cao trình +18.55m và đang lên, cùng với việc thông báo xả lũ, Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh phải báo cáo Phòng Kinh tế thị xã Đức Phổ và Ban Chỉ huy PCTT và TKCN thị xã Đức Phổ, UBND thị xã Đức Phổ về triển khai phương án bảo vệ vùng hạ du hồ chứa.

3. Khi mực nước hồ vượt quá cao trình +18.55m, dự báo ở thượng nguồn vẫn còn mưa, mực nước hồ tiếp tục lên, cùng với việc thông báo cho nhân dân mực nước lũ đặc biệt, Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh đề xuất phương án, báo

cáo UBND thị xã Đức Phổ, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN thị xã Đức Phổ đề trình UBND Thị xã Đức Phổ quyết định phương án xả lũ khẩn cấp, đảm bảo an toàn hồ chứa.

### **CHƯƠNG III VẬN HÀNH ĐIỀU TIẾT TRONG MÙA KIẾT**

**Điều 8.** Trước mùa kiệt hàng năm (mùa kiệt từ tháng 01 đến 31/8 năm sau), Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh phải căn cứ vào lượng nước trữ trong hồ, dự báo khí tượng thủy văn và nhu cầu dùng nước để lập phương án điều tiết, phân phối, sử dụng nước trong mùa kiệt, báo cáo UBND thị xã Đức Phổ, Phòng Kinh tế thị xã Đức Phổ và thông báo cho các hộ dùng nước của công trình được biết để sử dụng nước hợp lý.

**Điều 9.** Điều tiết mực nước hồ trong mùa kiệt

1. Bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu ở khu vực hạ du hồ chứa nước (*nếu có*) theo quy định trong Giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

2. Trong quá trình vận hành điều tiết, mực nước hồ chứa phải cao hơn hoặc bằng tung độ "Đường hạn chế cấp nước" trên biểu đồ điều phối (*Phụ lục III-1*).

3. Mực nước hồ thấp nhất ở cuối các tháng trong mùa kiệt được quy định tại Bảng 3.

*Bảng 3. Mực nước thấp nhất của hồ chứa nước Ông Thơ trong mùa kiệt*

Thời gian (ngày/ tháng)	28/II	31/III	30/IV	31/V	30/VI	31/VII	31/VIII
Mực nước thấp nhất (m)	16,76	16,90	16,83	16,37	15,56	14,60	13,09

4. Khi mực nước hồ cao hơn hoặc bằng tung độ "Đường hạn chế cấp nước", Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh phải bảo đảm cấp đủ nước cho các nhu cầu dùng nước theo phương án cấp nước.

**Điều 10.** Vận hành cấp nước trong một số trường hợp đặc biệt

1. Khi mực nước hồ thấp hơn tung độ "Đường hạn chế cấp nước" và cao hơn mực nước chết (+12.20m), Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh và các hộ dùng nước phải thực hiện các biện pháp cấp nước và sử dụng nước tiết kiệm, hạn chế trường hợp thiếu nước vào cuối mùa kiệt.

2. Khi mực nước hồ bằng hoặc thấp hơn mực nước chết, Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh phải lập phương án kế hoạch sử dụng dung tích chết và báo cáo UBND thị xã Đức Phổ, Phòng Kinh tế thị xã Đức Phổ xem xét, quyết định để thực hiện.

## **CHƯƠNG IV**

### **VẬN HÀNH ĐIỀU TIẾT KHI HỒ CHỨA CÓ SỰ CỐ**

**Điều 11.** Khi cửa vào tràn xả lũ bị sạt lở bồi lấp, Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh phải triển khai ngay việc nạo vét, gia cố, bảo đảm mặt cắt thoát lũ; đồng thời báo cáo Ban Chỉ huy PCTT và TKCN thị xã Đức Phổ và Phòng Kinh tế thị xã Đức Phổ để trình UBND thị xã Đức Phổ chỉ đạo khắc phục, đảm bảo thoát lũ và an toàn cho công trình.

**Điều 12.** Khi công trình đầu mối của hồ chứa (đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước) có dấu hiệu mất an toàn công trình hoặc xảy ra sự cố gây mất an toàn công trình, Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh phải triển khai ngay phương án xử lý, cứu hộ khẩn cấp để giữ an toàn cho công trình; đồng thời báo cáo Ban Chỉ huy PCTT và TKCN thị xã Đức Phổ, Phòng Kinh tế thị xã Đức Phổ để trình UBND thị xã Đức Phổ chỉ đạo, vận hành hồ chứa và triển khai biện pháp xử lý.

## **CHƯƠNG V**

### **QUAN TRẮC CÁC YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN**

**Điều 13.** Quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng

1. Chủ sở hữu đập, hồ chứa nước có trách nhiệm bảo đảm kinh phí thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng cho đập, hồ chứa nước.

2. Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh phải thu thập tin dự báo, quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Nội dung quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng: Phải quan trắc lượng mưa trên lưu vực, mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả.

4. Chế độ quan trắc: Quan trắc 02 lần/ngày vào lúc 07 giờ, 19 giờ trong mùa kiệt; 04 lần/ngày vào lúc 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ khi mực nước hồ thấp hơn ngưỡng tràn; 01 lần/giờ khi mực nước hồ bằng hoặc cao hơn ngưỡng tràn; 04 lần/giờ khi mực nước hồ trên mực nước lũ thiết kế.

5. Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh phải cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn và cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn cho Ban Chỉ huy PCTT và TKCN thị xã Đức Phổ, Phòng Kinh tế thị xã Đức Phổ về phòng, chống thiên tai trong tình huống khẩn cấp.

6. Cung cấp thông tin, báo cáo

a) Việc cung cấp thông tin, báo cáo được thực hiện theo một trong các hình thức sau: Gửi trực tiếp, bằng fax, bằng mạng vi tính, qua điện thoại, bằng máy thông tin vô tuyến điện (ICOM) hoặc các hình thức khác.

b) Văn bản gốc phải được gửi đến chủ sở hữu, chủ quản lý để theo dõi và lưu trữ hồ sơ quản lý.

7. Chủ sở hữu, chủ quản lý công trình phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng.

#### **Điều 14. Tính toán và kiểm tra lưu lượng lũ, kiệt**

1. Kết thúc các đợt xả lũ và sau mùa lũ hàng năm, Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh tiến hành đánh giá, tổng kết các đợt xả lũ (lưu lượng xả, thời gian xả, diễn biến mực nước thượng lưu hồ, ảnh hưởng đối với vùng hạ du,...).

2. Hàng năm, Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh thu thập, đo đạc, tính toán kiểm tra lưu lượng và tổng lượng lũ đến hồ; đo đạc, tính toán kiểm tra lưu lượng và tổng lượng nước đến hồ trong mùa kiệt.

## **CHƯƠNG VI TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN TRONG VIỆC THỰC HIỆN QUY TRÌNH VẬN HÀNH**

#### **Điều 15. Quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh**

1. Công bố công khai Quy trình vận hành tại Ủy ban nhân dân xã, tại các khu dân cư phía hạ du và nơi xây dựng công trình. Tổ chức thực hiện vận hành hồ chứa nước Ông Thơ theo đúng quy định của Quy trình này để bảo đảm an toàn công trình và đủ nước phục vụ các nhu cầu dùng nước; ghi chép các hoạt động vận hành hồ chứa vào sổ nhật ký vận hành.

2. Căn cứ tin dự báo khí tượng thủy văn, số liệu quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng và các thông tin liên quan để dự báo, vận hành hồ chứa theo diễn biến thực tế đáp ứng yêu cầu sử dụng nước và bảo đảm an toàn đập.

3. Thường xuyên kiểm kê nguồn nước trong hồ chứa nước, kết hợp với dự báo hạn hán, thiếu nước để tích trữ nước; cuối mùa mưa phải kiểm kê nguồn nước trong hồ chứa nước và hệ thống thủy lợi để lập phương án điều hòa, phân phối, sử dụng nước.

4. Kịp thời báo cáo và thực hiện các quyết định của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN thị xã Đức Phổ, UBND Thị xã Đức Phổ khi xảy ra tình huống theo quy định tại Khoản 2 Điều 7, Điều 11, Điều 12 Quy trình này.

5. Khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng; việc vận hành hồ chứa thực hiện theo quyết định của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN thị xã Đức Phổ, UBND thị xã Đức Phổ.



6. Bố trí các điều kiện cần thiết (nhân lực, vật tư, phương tiện,...) để ứng phó kịp thời các tình huống mưa lũ bất thường, bảo đảm an toàn cho công trình và vùng hạ du.

7. Lập biên bản xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý kịp thời các hành vi ngăn cản, xâm hại đến việc thực hiện Quy trình.

8. Định kỳ 05 năm, Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh phải rà soát, đánh giá kết quả thực hiện quy trình vận hành, gửi Ban Chỉ huy PCTT và TKCN thị xã Đức Phổ, UBND thị xã Đức Phổ, Phòng Kinh tế thị xã Đức Phổ. Nếu quy trình vận hành không còn phù hợp, Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh phải rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành, gửi Phòng Kinh tế thị xã Đức Phổ thẩm định, trình UBND thị xã Đức Phổ phê duyệt.

**Điều 16.** Quyền và trách nhiệm của Trưởng Phòng Kinh tế thị xã Đức Phổ.

1. Công bố công khai Quy trình vận hành trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của UBND thị xã Đức Phổ.

2. Tham mưu Chủ tịch UBND thị xã thực hiện công tác chỉ đạo, kiểm tra và giám sát Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh thực hiện Quy trình này.

3. Tổ chức thẩm định sửa đổi, bổ sung Quy trình và giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Quy trình theo thẩm quyền.

4. Phê duyệt phương án sử dụng dung tích chết của hồ chứa tại Khoản 2 Điều 10 Quy trình khi có đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh.

5. Tham mưu, trình Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ:

a) Chỉ đạo, kiểm tra và giám sát việc thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa nước Ông Thơ, xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ.

b) Chỉ đạo việc đảm bảo an toàn, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với hồ chứa nước Ông Thơ, xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ; báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

c) Chỉ đạo Ban Chỉ huy PCTT và TKCN thị xã và các cấp, ngành có liên quan thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ khi xảy ra tình huống theo quy định tại Khoản 2 Điều 4, Khoản 3 Điều 7, Điều 11 và Điều 12 Quy trình này.

**Điều 17.** Quyền và trách nhiệm của Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN thị xã Đức Phổ.

Quyết định phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành hồ chứa và quyết định vận hành xả lũ khẩn cấp của hồ chứa Ông Thơ, xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ theo thẩm quyền và nhiệm vụ được giao; báo cáo Trưởng ban Chỉ đạo Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh về phòng, chống thiên tai trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

**Điều 18.** Quyền và trách nhiệm của Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ

1. Chỉ đạo Ban Chỉ huy PCTT và TKCN thị xã phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh thực hiện đúng Quy trình này.

2. Ngăn chặn, xử lý những hành vi ngăn cản, xâm hại việc thực hiện Quy trình theo thẩm quyền.

3. Tổ chức huy động nhân lực, vật lực để phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh thực hiện công tác phòng, chống thiên tai và xử lý khi xảy ra sự cố công trình.

4. Tuyên truyền, vận động nhân dân địa phương thực hiện đúng các quy định trong Quy trình này và tham gia phòng chống thiên tai, bảo vệ an toàn cho hồ chứa nước Ông Thơ.

**Điều 19.** Trách nhiệm của các hộ dùng nước và các đơn vị hưởng lợi khác

1. Nghiêm túc thực hiện Quy trình này.

2. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật có liên quan đến việc quản lý khai thác và bảo vệ công trình.

## **CHƯƠNG VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 20.** Sửa đổi, bổ sung Quy trình vận hành

Trong quá trình thực hiện Quy trình vận hành điều tiết hồ chứa nước Ông Thơ, nếu có nội dung chưa hợp lý cần sửa đổi, bổ sung, Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh Quy trình vận hành cho phù hợp và trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

**Điều 21.** Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy trình sẽ được khen thưởng theo quy định. Mọi hành vi vi phạm Quy trình sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành./.

### **CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA NƯỚC ÔNG THƠ, THỊ XÃ ĐỨC PHỔ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày    /7/2022 của Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ)*

## PHỤ LỤC I

### GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ HỒ CHỨA NƯỚC ÔNG THƠ

- 1. Tên công trình:** Hồ chứa nước Ông Thơ.
- 2. Địa điểm xây dựng:** Xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.
- 3. Nhiệm vụ công trình:** Cấp nước tưới cho 72,10 ha đất canh tác.
- 4. Thành phần công trình:** 01 hồ chứa nước; 01 đập đất; 01 cống lấy nước, 01 tràn xả lũ, nhà quản lý, đường quản lý.
- 5. Cấp công trình đầu mối:** Cấp III.
- 6. Đặc điểm khí tượng thủy văn**

Khí hậu vùng dự án là vùng nhiệt đới gió mùa, nền nhiệt độ lớn ( $T_{tb}=25,7^{\circ}\text{C}$ ), nắng nhiều (tổng số giờ nắng trong năm lên tới 2.196 giờ), thuận lợi cho sự sinh trưởng của cây trồng. Lượng mưa trung bình năm khoảng (2000÷3000) mm và chia thành hai mùa rõ rệt :

Mùa mưa: Từ tháng IX đến tháng XII.

Mùa khô: Từ tháng I đến tháng VIII.

Về mùa mưa: Lượng mưa chiếm khoảng 75% lượng mưa năm, tập trung chủ yếu vào tháng X và tháng XII. Thời gian này thường có các trận mưa lớn do bão, hội tụ nhiệt đới, tạo nên các trận lũ lớn.

Về mùa khô: Lượng mưa nhỏ, trong thời gian 8 tháng, lượng mưa chỉ chiếm 25% lượng mưa năm. Đặc biệt các tháng II và III, lượng mưa rất nhỏ, dưới 2% lượng mưa năm.

Một số đặc trưng dòng chảy năm tại tuyến đập Ông Thơ như sau:

$$Q_{85\%} = 0,0491 \text{ m}^3/\text{s}$$

$$W_{85\%} = 1,547 \times 10^6 \text{ m}^3$$

Đặc trưng dòng chảy lũ tại tuyến đập hồ chứa nước Ông Thơ.

P%	$Q_{\max}$ ( $\text{m}^3/\text{s}$ )	$W_{\max}$ ( $10^3 \text{ m}^3$ )
1,5	32,75	779,90
0,5	37,48	877,20

#### 7. Các thông số kỹ thuật chính của công trình

THÔNG SỐ THIẾT KẾ	Đơn vị	Thông số

<b>THỦY VĂN</b>			
1	Diện tích lưu vực ( $F_{lv}$ )	Km <sup>2</sup>	2,35
2	Chiều dài suối ( $L_{sc}$ )	Km	1,95
3	Lượng mưa bình quân năm ( $X_0$ )	mm	2.245,8
4	Lưu lượng chảy bình quân năm ( $Q_0$ )	m <sup>3</sup> /s	0,093
5	Lưu lượng chảy năm $P=85\%$ ( $Q_{85\%}$ )	m <sup>3</sup> /s	0,093
6	Lưu lượng đỉnh lũ theo TS $P=1,5\%$ ( $Q_{1,5\%}$ )	m <sup>3</sup> /s	32,75
7	Lưu lượng đỉnh lũ theo TS $P=0,5\%$ ( $Q_{0,5\%}$ )	m <sup>3</sup> /s	37,48
8	Lưu lượng lũ tiểu mãn max $P=10\%$ ( $Q_{10\%}$ )	m <sup>3</sup> /s	3,23
9	Lưu lượng đỉnh lũ kiểm tra theo WB $P=0,01\%$ ( $Q_{0,01\%}$ )	m <sup>3</sup> /s	52,88
10	Tổng lượng lũ kiểm tra theo WB $P=0,01\%$ ( $Q_{0,01\%}$ )	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	1.194,56
<b>NHIỆM VỤ VÀ CẤP CÔNG TRÌNH</b>			
1	Diện tích tưới ( $F_{tưới}$ )	ha	72,10
2	Cấp công trình	Cấp	III
3	Mức đảm bảo tưới	%	85%
<b>HỒ CHỨA</b>			
1	Mực nước chết	m	12,20
2	Mực nước dâng bình thường	m	16,95
3	Mực nước lũ thiết kế	m	18,55
4	Mực nước kiểm tra 0,5% / 0,01%	m	18,67 / 19,04
5	Dung tích ứng với MNC	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	43,03
6	Dung tích ứng với MNDBT	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	308,74
7	Dung tích ứng với MNLTK	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	445,09
8	Dung tích hữu ích	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	265,71
9	Diện tích mặt thoáng (MNDBT)	ha	8,05
10	Diện tích mặt thoáng (MNLTK)	ha	9,34
<b>CỤM ĐẦU MỐI HỒ CHỨA</b>			
<b>A</b>	<b>ĐẬP ĐẤT</b>		

1	Cao trình đỉnh đập	m	20,00
2	Tổng chiều dài đập theo đỉnh	m	176,60
3	Bề rộng mặt đập	m	5,0
4	Kết cấu đập(đập cũ và khối đập mới)		2 khối
5	Chiều cao đập lớn nhất	m	9,80
6	Hệ số mái thượng		2,75
7	Hệ số mái hạ		2,5
8	Gia cố mái đập thượng lưu		BTCT M250 dày 12cm, cắt tẩm (2x2)m
9	Gia cố mái hạ lưu		Trồng cỏ+ rãnh BT M200
<b>C</b>	<b>TRÀN XẢ LŨ</b>		
1	Hình thức tràn		Tràn tự do
2	Cao trình ngưỡng tràn / Trụ pin	m	16,95 / 17,95
3	Cột nước thiết kế	m	1,60
4	Bề rộng ngưỡng tràn	m	14,20
5	Lưu lượng thiết kế tràn	m <sup>3</sup> /s	27,02
6	Hình thức tiêu năng.		Tiêu năng đáy
7	Số khoang tràn/ Trụ pin	cái	07/06
8	Chiều cao trụ pin	m	1,0
<b>D</b>	<b>CỐNG LẤY NƯỚC</b>		
1	Lưu lượng thiết kế cống	m <sup>3</sup> /s	0,0523
2	Hình thức cống		Cống tròn
3	Kết cấu cống		Ống thép D300+BTCT
4	Hình thức điều tiết:		Dàn van đóng mở hạ lưu

**PHỤ LỤC II**  
**NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ LẬP QUY TRÌNH VẬN HÀNH**  
**HỒ CHỨA NƯỚC ÔNG THƠ**

### **1. Các văn bản pháp quy**

- Luật Tài nguyên nước; Luật Phòng chống thiên tai; Luật Thủy lợi.
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8412:2010 - Công trình thủy lợi - Hướng dẫn lập Quy trình vận hành.
- Hồ chứa nước - Công trình thủy lợi - Quy định về lập và ban hành Quy trình vận hành điều tiết (14TCN 121-2002).
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8414:2010 - Công trình thủy lợi - Quy trình Quản lý vận hành, khai thác và kiểm tra hồ chứa nước.
- Các Tiêu chuẩn, Quy phạm, các văn bản liên quan đến việc đảm bảo an toàn hồ chứa nước (của Bộ Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan chức năng).
- Các văn bản của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc khai thác và bảo vệ hồ chứa nước Ông Thơ.

### **2. Các tài liệu, số liệu khí tượng thủy văn**

- Các tài liệu khí tượng thủy văn dùng trong thiết kế hồ chứa nước Ông Thơ.
- Các tài liệu mưa, mực nước hồ, dòng chảy năm,...

### **3. Mục tiêu và yêu cầu**

- Về phòng chống lũ: Phải đảm bảo an toàn cho công trình theo tần suất lũ thiết kế  $P = 1,5\%$  và lũ kiểm tra  $P = 0,5\%$  .
- Về cấp nước: Cấp nước tưới cho 72,10 ha đất canh tác.

**PHỤ LỤC III**  
**CÁC BIỂU ĐỒ, BẢNG TRA**  
**PHỤ LỤC III-1: BẢNG KẾT QUẢ TÍNH TOÁN NƯỚC DÙNG CHO**  
**TUỚI**

### 1. Mức tưới tại mặt ruộng cho các loại cây trồng

Tháng	Thời đoạn		Vụ Đ. Xuân (mm)	Vụ Hè thu (mm)	Mía (mm)
1	1	10	60,7	0,0	0,0
	2	10	15,1	0,0	8,2
	3	11	20,1	0,0	9,3
2	1	10	18,1	0,0	4,9
	2	10	21,5	0,0	4,8
	3	8	19,7	0,0	0,5
3	1	10	33,1	0,0	0,0
	2	10	36,6	0,0	0,0
	3	11	36,6	0,0	0,0
4	1	10	6,8	0,0	0,0
	2	10	0,0	0,0	0,0
	3	10	0,0	0,0	3,7
5	1	10	0,0	115,0	25,7
	2	10	0,0	121,1	25,8
	3	11	0,0	132,5	31,5
6	1	10	0,0	104,7	30,0
	2	10	0,0	32,9	32,0
	3	10	0,0	34,4	35,4
7	1	10	0,0	37,4	40,2
	2	10	0,0	39,9	43,2
	3	11	0,0	40,0	43,8
8	1	10	0,0	32,5	37,7
	2	10	0,0	28,7	36,0
	3	11	0,0	1,3	23,9
9	1	10	0,0	0,0	0,0
	2	10	0,0	0,0	0,0
	3	10	0,0	0,0	0,0
10	1	10	0,0	0,0	0,0
	2	10	0,0	0,0	0,0
	3	11	0,0	0,0	0,0
11	1	10	0,0	0,0	0,0
	2	10	0,0	0,0	0,0
	3	10	0,0	0,0	0,0
12	2	10	63,1	0,0	0,0
	2	10	120,4	0,0	0,0
	3	11	124,9	0,0	0,0

## 2. Tổng lượng nước tưới nâng cấp HCN Ông Thọ

Theo nhiệm vụ :  $F_t = 72,10$ ha cây nông nghiệp

Hệ số lợi dụng nước :  $\eta = 0,80$ , do kênh chưa được đầu tư kiên cố

Tổng lượng nước yêu cầu tại đầu mỗi theo từng tháng

Bảng II.2

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII
$W_{mr}(10^3. m^3)$	16,63	9,18	4,62	3,50	74,53	73,36	94,44
$W_{đm}(10^3. m^3)$	20,78	11,48	5,77	4,37	93,17	91,70	118,05
Tháng	VIII	IX	X	XI	XII	Tổng Cộng	
$W_{mr}(10^3. m^3)$	70,52	0,00	0,00	0,00	16,85	<b>359,556</b>	
$W_{đm}(10^3. m^3)$	88,15	0,00	0,00	0,00	21,06	<b>449,445</b>	

### PHỤ LỤC III-2

#### TỔNG HỢP KẾT QUẢ TÍNH TOÁN ĐIỀU TIẾT LŨ

##### 1. Trường hợp tính toán

- Lũ thiết kế :  $P = 1,5\%$
- Lũ kiểm tra :  $P = 0,5\%$
- Tràn xả lũ :  $B_{tr} = 14,2m$
- MNDBT :  $+18.55m$

##### 2. Kết quả tính toán

P	Q(m <sup>3</sup> /s)	▽ng.tràn (m)	▽MNDBT (m)	▽MNLTk (m)	H <sub>tr</sub> (m)	Q <sub>xả max</sub> (m)
P = 1,5%	32,75	16,95	16,95	18,55	1,60	27,02
P = 0,5%	37,48	16,95	16,95	18,55	1,73	31,11

### PHỤ LỤC III-3

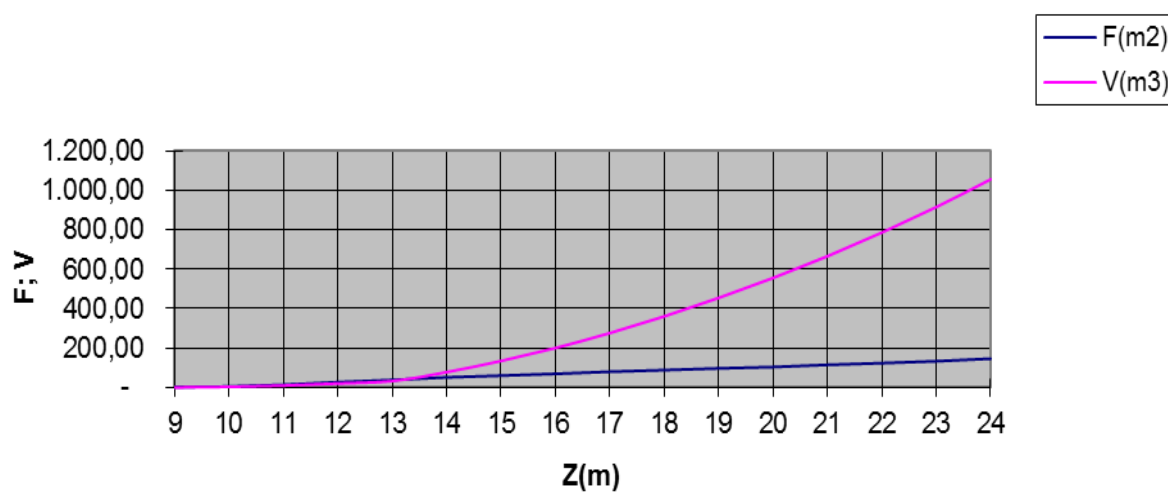
#### BẢNG THÔNG SỐ ĐƯỜNG ĐẠT TÍNH LÒNG HỒ



TT	Cao trình (Z)	Diện tích (F)	Thể tích (V)	Thể tích cộng dồn
	(m)	(m <sup>2</sup> )	(m <sup>3</sup> )	(m <sup>3</sup> )
1	8			
2	9	2.014,0	1.007,0	1.007,0
3	10	5.887,0	3.950,5	4.957,5
4	11	14.638,0	10.262,5	15.220,0
5	12	27.709,0	21.173,5	36.393,5
6	13	38.660,0	33.184,5	69.578,0
7	14	52.273,0	45.466,5	115.044,5
8	15	61.053,0	56.663,0	171.707,5
9	16	70.271,0	65.662,0	237.369,5
10	17	80.565,0	75.418,0	312.787,5
11	18	89.055,0	84.810,0	397.597,5
12	9	97.665,0	93.360,0	490.957,5
13	20	104.623,0	101.144,0	592.101,5
14	21	115.475,0	110.049,0	702.150,5
15	22	124.175,0	119.825,0	821.975,5
16	23	133.640,0	128.907,5	950.883,0
17	24	146.571,5	140.105,8	1.090.988,8
18	25	159.503,0	153.037,3	1.244.026,0

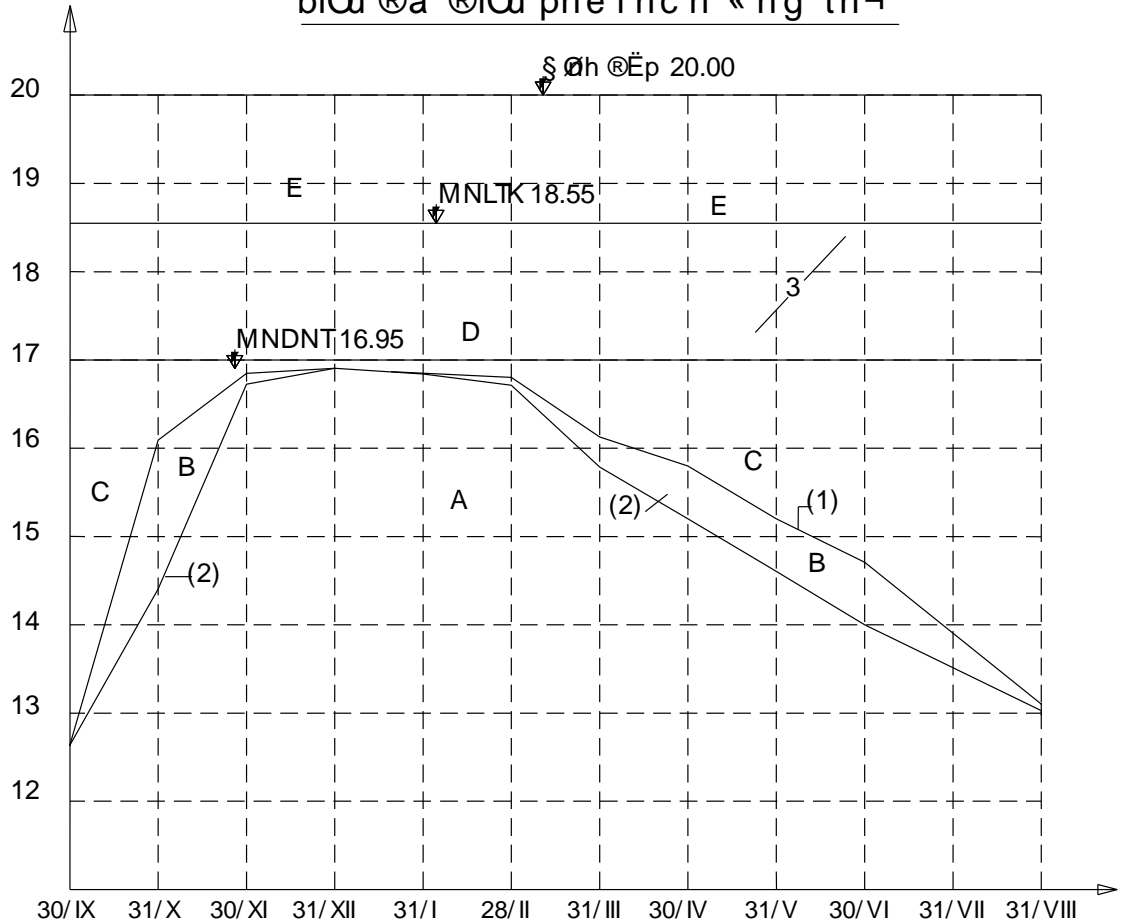
### ĐƯỜNG ĐẶT TÍNH LÒNG HỒ

#### ĐƯỜNG QUAN HỆ Z~V; Z~F



**PHỤ LỤC III-4**  
**BẢNG ĐỒ ĐIỀU PHỐI CẤP NƯỚC**

biểu đồ điều phối «ng th»



Chi chú:

- [1] : Đường phòng phá hoại  
 thường  
 [2] : Đường hạn chế cấp nước  
 A : Vùng hạn chế cấp nước  
 E : Vùng xả lũ bất bình thường  
 B: Vùng cấp nước bình  
 C: Vùng cấp nước gia tăng  
 D: Vùng xả lũ bình thường

**Toạ độ của các đường giới hạn trong biểu đồ điều phối**

Thời đoạn	Đường phòng phá hoại	Đường hạn chế cấp nước
30/IX	12,67	12,67
31/X	14,75	14,97
30/XI	16,22	16,48
31/XII	16,95	16,95
31/I	16,95	16,95
28/II	16,76	16,74
31/III	16,90	16,90
30/IV	16,83	16,90
31/V	16,37	16,39

<b>Thời đoạn</b>	<b>Đường phòng phá hoại</b>	<b>Đường hạn chế cấp nước</b>
30/VI	15,56	15,61
31/VII	14,60	14,63
31/VIII	13,09	13,11